

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0908/2025/PIV-CBTT

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CÔNG TY CỔ PHẦN PIV thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần PIV

- Mã chứng khoán: PIV
- Địa chỉ: Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40 - 41 Khu Tập thể Xí nghiệp, Phường Xuân Đình, Thành Phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02437957605/ 0917957605
- Email: PIVcongtty@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét bán niên 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC soát xét bán niên năm 2024):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 09/08/2025 tại đường dẫn: <http://www.piv.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC soát xét Bán niên năm 2025;
- Văn bản giải trình đính kèm BCTC soát xét Bán niên năm 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Hữu Páng*





Member of MSI Global Alliance

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025



**Đơn vị kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
**THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**  
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942

Nội dung	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	02 - 04
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT</b>	05 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 34



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PIV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102636059 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 28/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 173.249.420.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025: 173.249.420.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất hoá chất cơ bản; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây ăn quả; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng cho đi thuê; Đại lý du lịch; Bán mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Sản xuất mô tô, xe máy; Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;...

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng.

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:	Không có				
Công ty liên kết:	Không có				
Cơ sở đồng kiểm soát:	Không có				
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:					
Địa điểm kinh doanh số 5 Công ty Cổ phần PIV	Thôn Thượng Khuông, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.				

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 lỗ 456.898.614 VND (Cùng kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 lợi nhuận sau thuế lỗ 500.214.276 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2025 âm 172.166.822.543 VND (Tại thời điểm 31/12/2024 lợi nhuận chưa phân phối âm 171.709.923.929 VND).

Số: 636.. /BCKT-TC/2025/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần PIV, được lập ngày 16/07/2025, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về số lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2025 là 172.166.822.543 đồng; Tài sản cố định có giá trị nhỏ; các khoản đầu tư tài chính không còn; Nợ phải trả ngắn hạn lớn Tài sản ngắn hạn là 105.360.763.099 đồng, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty sẽ gặp khó khăn. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới với sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ, do đó Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được Ban Giám đốc quyết định trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng Giám đốc**



**PHÙNG VĂN THẮNG**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0650-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>47.259.496.801</b>	<b>12.061.351.249</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>38.811.170</b>	<b>471.426.136</b>
Tiền	111	V.1	38.811.170	471.426.136
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.126.697.309</b>	<b>633.267.344</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	36.126.697.309	566.449.160
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	-	66.818.184
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>150.248.495</b>	<b>43.005.009</b>
Hàng tồn kho	141	V.4	150.248.495	43.005.009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.943.739.827</b>	<b>10.913.652.760</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	14.064.773	17.898.029
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12.	10.929.675.054	10.895.754.731
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>106.660.889.900</b>	<b>106.842.505.868</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>75.000.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.3	-	75.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>109.915.003</b>	<b>128.956.819</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	20.250.010	23.931.826
- Nguyên giá	222		36.818.182	36.818.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.568.172)	(12.886.356)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	89.664.993	105.024.993
- Nguyên giá	228		153.600.000	153.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.935.007)	(48.575.007)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.5</b>	<b>106.399.545.279</b>	<b>106.399.545.279</b>
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.5	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	106.399.545.279	106.399.545.279
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>151.429.618</b>	<b>239.003.770</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	151.429.618	239.003.770
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>153.920.386.701</b>	<b>118.903.857.117</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>152.620.259.900</b>	<b>117.146.831.702</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>152.620.259.900</b>	<b>117.146.831.702</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	78.236.382	36.725.672.862
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	206.798.386	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	-	-
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	-	120.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	259.871.394	255.521.102
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	152.029.716.000	80.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.11.	-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13.	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.14.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.300.126.801</b>	<b>1.757.025.415</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15.</b>	<b>1.300.126.801</b>	<b>1.757.025.415</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15.	173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.15.	173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.15.	(261.600.000)	(261.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15.	443.972.144	443.972.144
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.15.	35.157.200	35.157.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15.	(172.166.822.543)	(171.709.923.929)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(171.709.923.929)	(170.696.603.573)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(456.898.614)	(1.013.320.356)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>153.920.386.701</b>	<b>118.903.857.117</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 01 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc

**ĐỖ THỊ KIỀU TRANG****ĐỖ THỊ KIỀU TRANG****NGUYỄN HỮU SÁNG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>315.487.840</b>	<b>1.385.595.525</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>315.487.840</b>	<b>1.385.595.525</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	310.506.380	1.341.157.761
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>4.981.460</b>	<b>44.437.764</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.727	161.559
Chi phí tài chính	22	VI.5	-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	313.716.325	549.616.602
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(308.730.138)</b>	<b>(505.017.279)</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	-	19.086.800
Chi phí khác	32	VI.7	148.168.476	14.283.797
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(148.168.476)</b>	<b>4.803.003</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(456.898.614)</b>	<b>(500.214.276)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(456.898.614)</b>	<b>(500.214.276)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(26)	(29)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(26)	(29)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 01 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



ĐỖ THỊ KIỀU TRANG



ĐỖ THỊ KIỀU TRANG



NGUYỄN HỮU SÁNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		551.339.096	1.511.667.701
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.877.780.377)	(1.894.563.853)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.390.000)	(83.600.000)
Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	2.002.049
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(100.499.685)	(136.289.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(72.462.330.966)</b>	<b>(600.783.858)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		72.029.716.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>72.029.716.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(432.614.966)</b>	<b>(600.783.858)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>471.426.136</b>	<b>1.728.229.189</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>38.811.170</b>	<b>1.127.445.331</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76,  
phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

Lập, ngày 01 tháng 08 năm 2025

**Tổng Giám đốc**



**ĐỖ THỊ KIỀU TRANG**



**ĐỖ THỊ KIỀU TRANG**



**NGUYỄN HỮU SÁNG**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2025

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PIV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102636059 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 28/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh 173.249.420.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025: 173.249.420.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội.

Số lượng CB-CNV của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 07 người (tại ngày 30/06/2024 là 06 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất hoá chất cơ bản; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây ăn quả; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng cho đi thuê; Đại lý du lịch; Bán mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Sản xuất mô tô, xe máy; Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;...

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng****5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:	Không có				
Công ty liên kết:	Không có				
Cơ sở đồng kiểm soát:	Không có				

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:**

Địa điểm kinh doanh số 5 Công ty Cổ Thôn Thượng Khuông, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải  
phần PIV Dương.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

#### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp bình quân gia quyền.

#### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                      |   |     |
|----------------------|---|-----|
| - Thiết bị văn phòng | 5 | năm |
| - Phần mềm máy tính  | 5 | năm |

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

**8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

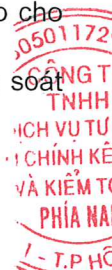
Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...



Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### **14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### **15. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	34.136.403	462.558.127
- Tiền gửi ngân hàng	4.674.767	8.868.009
+ Tiền gửi (VND)	4.674.767	8.868.009
+ Tiền gửi (USD)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.811.170</b>	<b>471.426.136</b>

**2 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.126.697.309</b>	<b>566.449.160</b>
- Công ty CP Xây dựng Tản Viên	238.389.149	-
- Công ty Kiểm toán AASCS	-	64.800.000
- Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	35.386.659.000	-
- Công ty TNHH Phát triển TM và DV Hải Kim	492.199.160	492.199.160
- Các bên khác	9.450.000	9.450.000
<b>Cộng</b>	<b>36.126.697.309</b>	<b>566.449.160</b>

**3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>3.1. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	60.000.000	-
+ CTCP Đầu tư Hải Kim	-	-	60.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	6.818.184	-
+ Đối tượng khác	-	-	6.818.184	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>66.818.184</b>	-
<b>3.2. Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	75.000.000	-
+ Nguyễn Đăng Lam Hồng	-	-	75.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>75.000.000</b>	-

501172  
CÔNG  
TNH  
CH VỤ T  
GHÍNH K  
VÀ KIỂM  
PHIA N  
T.P.H

**4 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	150.248.495	-	43.005.009	-
<b>Cộng</b>	<b>150.248.495</b>	-	<b>43.005.009</b>	-

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**5 . TÀI SẢN DỒI DANG DÀI HẠN****Mua sắm TSCĐ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Máy đúc phun nhựa, Máy sấy nhựa, Cầu trục dầm đơn	106.399.545.279	106.399.545.279
<b>Cộng</b>	<b>106.399.545.279</b>	<b>106.399.545.279</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-	36.818.182	-	36.818.182
<b>Số tăng trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-	-	36.818.182	-	36.818.182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-	12.886.356	-	12.886.356
<b>Số tăng trong kỳ</b>	-	-	-	3.681.816	-	3.681.816
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	3.681.816	-	3.681.816
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-	-	16.568.172	-	16.568.172
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	-	-	-	23.931.826	-	23.931.826
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	-	-	-	20.250.010	-	20.250.010

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý



- VND  
- VND  
- VND

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Chứng nhận ISO	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	153.600.000	153.600.000
<b>Số tăng trong kỳ</b>	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
<b>Số giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-	153.600.000	153.600.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	48.575.007	48.575.007
<b>Số tăng trong kỳ</b>	-	-	15.360.000	15.360.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	15.360.000	15.360.000
- Tăng khác	-	-	-	-
<b>Số giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-	63.935.007	63.935.007
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Tại ngày đầu năm</b>	-	-	105.024.993	105.024.993
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	-	-	89.664.993	89.664.993

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp,  
cầm cố đảm bảo khoản vay:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng  
vẫn còn sử dụng:

- VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76,  
phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****8.1. Ngắn hạn**

- CCDC xuất dùng
- Chi phí mua bảo hiểm
- Chi phí đi vay
- Chi phí khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.481.439	10.961.918
-	-
-	-
8.583.334	6.936.111
<b>14.064.773</b>	<b>17.898.029</b>

**Cộng****8.2. Dài hạn**

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí mua bảo hiểm
- CCDC xuất dùng
- Chi phí khác

-	-
-	-
136.580.430	197.841.145
14.849.188	41.162.625
<b>151.429.618</b>	<b>239.003.770</b>

**Cộng**

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể XI nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

9 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Ngắn hạn

Vay cá nhân:	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Bà Mai Thị Thu (*)	15.000.000.000	15.000.000.000			15.000.000.000	15.000.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Lan Hương (*)	41.844.000.000	41.844.000.000	21.844.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ông Vũ Văn Sơn (*)	43.275.000.000	43.275.000.000	23.275.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ông Vũ Tuấn Anh (*)	51.910.716.000	51.910.716.000	26.910.716.000		25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	152.029.716.000	152.029.716.000	72.029.716.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30/06/2022 như sau:

Số/Ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Số cuối kỳ	Hình thức đảm bảo khoản vay
Bao gồm 4 hợp đồng vay tiền	4 cá nhân nêu trên	12 tháng	Lãi suất được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ tại các thời điểm vay	152.029.716.000	Không có tài sản đảm bảo

Ghi chú:

(\*) Đây là khoản các cá nhân cho Công ty vay tiền theo Nghị quyết HĐQT số 25/10/2024/NQ-HĐQT ngày 25/10/2024, các hợp đồng vay tiền và các khế ước nhận nợ. Lãi suất vay là 0%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nhật Nam	78.236.382	78.236.382	78.236.382	78.236.382
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	-	-	36.633.436.480	36.633.436.480
Đối tượng khác	-	-	14.000.000	14.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.236.382</b>	<b>78.236.382</b>	<b>36.725.672.862</b>	<b>36.725.672.862</b>

**11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	206.798.386	206.798.386	-	-
<b>Cộng</b>	<b>206.798.386</b>	<b>206.798.386</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>12.1. Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí phải nộp	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
<b>12.2. Thuế và các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Ghi chú:* Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

- Các khoản khác	-	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>120.000.000</b>
<b>14. PHẢI TRẢ KHÁC</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	42.090.810	42.090.810
- BHXH, BHYT, BHTN	217.778.564	211.428.272
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.020	2.002.020
<b>Cộng</b>	<b>259.871.394</b>	<b>255.521.102</b>

CÔNG  
TY  
CHUYÊN  
CHÍNH  
TÀ KIỂM  
PHIA  
I - T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>(261.600.000)</b>	<b>35.157.200</b>	<b>-</b>	<b>443.972.144</b>	<b>(170.696.603.573)</b>	<b>2.770.345.771</b>
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.013.320.356)	(1.013.320.356)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>(261.600.000)</b>	<b>35.157.200</b>	<b>-</b>	<b>443.972.144</b>	<b>(171.709.923.929)</b>	<b>1.757.025.415</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(456.898.614)	(456.898.614)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>(261.600.000)</b>	<b>35.157.200</b>	<b>-</b>	<b>443.972.144</b>	<b>(172.166.822.543)</b>	<b>1.300.126.801</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Số 41 Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể Xí nghiệp Máy bay A76,  
phường Xuân Đình, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	173.249.420.000	173.249.420.000
<b>Cộng</b>	<b>173.249.420.000</b>	<b>173.249.420.000</b>

**15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	173.249.420.000	173.249.420.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

**15.4. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**15.5. Cổ tức**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

**15.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	443.972.144	443.972.144
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.157.200	35.157.200

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****16.1. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	-	-

**16.2. Nợ khó đòi đã xử lý**

<u>Đối tượng</u>	<u>VND</u>	<u>Thời điểm xóa sổ</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Trung Tín	233.120.535	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
<b>Cộng</b>	<b>3.538.790.866</b>		

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán hàng hóa	315.487.840	1.385.595.525
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>315.487.840</b>	<b>1.385.595.525</b>

**2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn hàng bán	310.506.380	1.341.157.761
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>310.506.380</b>	<b>1.341.157.761</b>

**4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.727	24.205
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	137.354
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.727</b>	<b>161.559</b>

**5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6 . THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	-
- Các khoản khác	-	19.086.800
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>19.086.800</b>

**7 . CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản tiền nộp phạt	6.350.292	10.783.797
- Các khoản khác	141.818.184	3.500.000
<b>Cộng</b>	<b>148.168.476</b>	<b>14.283.797</b>

**8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>8.1. Chi phí bán hàng</b>		
<b>8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	136.472.862	87.844.030
- Chi phí nhân công	35.390.000	83.600.000
- Chi phí khấu hao	19.041.816	19.041.816
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	9.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.888.886	309.508.830
- Chi phí khác bằng tiền	68.922.761	40.621.926
<b>Cộng</b>	<b>313.716.325</b>	<b>549.616.602</b>

**9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	136.472.862	87.844.030
- Chi phí nhân công	35.390.000	83.600.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.041.816	19.041.816
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	9.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.888.886	309.508.830
- Chi phí bằng tiền khác	68.922.761	40.621.926
<b>Cộng</b>	<b>313.716.325</b>	<b>549.616.602</b>

**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(456.898.614)	(500.214.276)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(456.898.614)	(500.214.276)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.324.942	17.324.942
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(26)</b>	<b>(29)</b>

**12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(456.898.614)	(500.214.276)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.324.942	17.324.942
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(26)</b>	<b>(29)</b>

**VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

**2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Không có.

**3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	72.029.716.000	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải	-	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-

**4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Tiền lương, thưởng	34.140.000	19.900.000
+ Thù lao	-	-

Trong đó:

06 tháng 2024

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
NGUYỄN HỮU SÁNG	Tổng Giám đốc (từ 07/5/2024)	10.400.000	-
HOÀNG LAN ANH	Kế toán trưởng (từ 21/5/2024)	9.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>19.900.000</b>	

06 tháng 2025

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
NGUYỄN HỮU SÁNG	Tổng Giám đốc	26.000.000	-
HOÀNG LAN ANH	Kế toán trưởng (đến 11/02/2025)	1.920.000	-
ĐỖ THỊ KIỀU TRANG	Kế toán trưởng (từ 11/02/2025)	6.220.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>34.140.000</b>	

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh vật liệu xây dựng không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 30/06/2025 số lỗ lũy kế của Công ty là 172.166.822.543 VND chưa vượt số vốn điều lệ. Tuy nhiên, Nợ phải trả chỉ còn nhỏ hơn Tổng tài sản 1.300.126.801 VND.
- Về Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 105.360.763.099 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty sẽ gặp khó khăn.
- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty đang phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn (Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị).
- Các chủ nợ có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính: Không có.
- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm.
- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.
- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

**b/ Về hoạt động:**

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có. Tuy nhiên có sự sụt giảm về doanh thu bán hàng và khách hàng.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

**c/ Các dấu hiệu khác:**

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

Hiện tại Công ty vẫn đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ; Tài sản cố định có giá trị rất nhỏ; Các khoản đầu tư tài chính không còn. Do đó việc hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh lời trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào các định hướng và quyết sách của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự tài trợ vốn từ các cổ đông và bên liên quan.

Như vậy, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới với sự hỗ trợ vốn từ các cổ đông và các chủ nợ, do đó Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được Ban Giám đốc quyết định trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục.

**4 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bán niên kết thúc ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán/soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

**Người lập biểu****ĐỖ THỊ KIỀU TRANG****Kế toán trưởng****ĐỖ THỊ KIỀU TRANG****Lập, ngày 01 tháng 08 năm 2025****Tổng Giám đốc****NGUYỄN HỮU SÁNG**